

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1 -GIA LAI  
TỈNH GIA LAI  
Số:237/2025/QĐST-DSST**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc  
Quy Nhơn, ngày 16 tháng 12 năm 2025**

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 96/2025/TLST- DSST ngày 02 tháng 10 năm 2025

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH :**

*Nguyên đơn:* Ông L V H, sinh ngày: 16/10/19XX; Địa chỉ: I Đ, phường Q, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 052XXXXXXXXXX do Bộ C cấp ngày 08/11/2024

Bà L T H1, sinh ngày: 12/10/19XX; Địa chỉ: I Đ, phường Q, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 052052XXXXXXXXXX do Cục C1 cấp ngày 16/9/2021

Bà L T H3, sinh năm: 19XX; Địa chỉ: M1.07 M Chung cư S, T, phường V, thành phố Hồ Chí Minh. Số CCCD: 052052XXXXXXXXXX do Cục C1 cấp ngày 29/4/2021

Bà H3 uỷ quyền cho bà L T B L, sinh năm: 19XX; Địa chỉ: G B, phường Q, tỉnh Gia Lai. (Theo văn bản uỷ quyền số 008097/2025/CCGD ngày 05/11/2025 tại Văn phòng C2).

Bà L T B L, sinh ngày: 10/9/19XX; Địa chỉ: G B, phường Q, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 052052XXXXXXXXXX do Cục C1 cấp ngày 28/6/2021

*Bị đơn:* Bà Đ T M T, sinh ngày: 02/8/19XX; Địa chỉ: 8 đường A, phường Q, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 052052XXXXXXXXXX do Cục C1 cấp ngày 18/01/2023

Anh L H P, sinh ngày: 19XX; Địa chỉ: 8 đường A, phường Q, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 052052XXXXXXXXXX do Cục C1 cấp ngày 18/01/2023

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các ông bà: L V H, bà L T H1, bà L T H3, bà L T B L, bà Đ T M T và anh L H P (người thừa kế của ông L V S) thống nhất thoả thuận các nội dung sau:

Về hàng thừa kế: Những người thừa kế theo pháp luật của ông L V V, bà H T H2 gồm: Ông L V H, bà L T H1, bà L T B L, bà L T H3, ông L V S (kỷ phần do anh L H P nhận).

Các đồng thừa kế thống nhất không chia kỷ phần cho ông Lê Văn T1 vì ông T1 chết trước cha mẹ, không có người thừa kế thế vị.

\*/- Về yêu cầu khởi kiện bổ sung:

Ông L V H, bà L T H1 và bà L T B L thống nhất rút yêu cầu khởi kiện đối với các khoản tiền chi phí chăm sóc, chữa bệnh và chi phí làm tang lễ, mai táng, cúng giỗ với tổng số tiền 1.091.187.000 đồng (theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/8/2025). Các ông bà: L V H, bà L T H1, bà L T H3, bà L T B L, bà Đ T M T và anh L H P thống nhất không yêu cầu giải quyết.

\*/- Về phân chia di sản thừa kế:

Các bên thống nhất chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do ông L V V và bà H T H2 để lại là căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại tổ B, khu V, phường G, thành phố Q (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số hồ sơ gốc 10.304, do UBND tỉnh B cấp ngày 26/12/2003, diện tích đất ở 72,85 m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 72,85 m<sup>2</sup>, có tổng giá trị 3.090.189.000 đồng. Chia cho các đồng thừa kế gồm:

Ông L V H

Bà L T H

Bà L T H

Bà L T B L

Ông L V S (kỷ phần do anh L H P nhận)

Mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là 515.031.500 đồng. Riêng ông L V H được nhận tổng cộng 1.030.063.000 đồng, bao gồm: 01 kỷ phần thừa kế: 515.031.500 đồng; 01 kỷ phần thừa kế tương ứng với công sức chăm sóc ông L V V, bà H T H2 và công bảo quản di sản.

\*/- Về việc nhận hiện vật là nhà đất:

Các đồng thừa kế thống nhất giao cho bà L T H3 được quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tọa lạc tại tổ B, khu V, phường G, thành phố Q (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số hồ sơ gốc 10.304, do UBND tỉnh B cấp ngày 26/12/2003, diện tích đất ở 72,85 m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 72,85 m<sup>2</sup>.

\*/- Về thanh toán kỷ phần thừa kế:

Bà L T H3 có nghĩa vụ thanh toán: Cho bà L T H1, bà L T B L và anh L Hữu P (nhận kỷ phần của ông L V S): mỗi người 515.031.500 đồng và thanh toán cho ông L V H số tiền 1.030.063.000 đồng.

\*/- Thời hạn và phương thức thanh toán:

Ngày 10/03/2026 bà H3 thanh toán cho anh Lê H P số tiền 257.515.750 đồng.

Ngày 10/04/2026 bà H3 thanh toán cho anh L H P số tiền 257.515.750 đồng.  
Ngày 15/05/2026 bà H3 thanh toán cho bà L T H1 số tiền 515.031.500 đồng.  
Ngày 15/06/2026 bà H3 thanh toán cho bà L T B L số tiền 515.031.500 đồng.

Ngày 15/07/2026 bà H3 thanh toán cho ông L V H số tiền 515.031.500 đồng.

Ngày 15/08/2026 bà H3 thanh toán cho ông L V H số tiền 515.031.500 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.000.000 đồng. Anh L H P, Ông L V H, Bà L T H1, bà L T H3, bà L T B L mỗi người phải chịu 1.600.000 đồng; Bà L đã nộp tạm ứng nên anh P, bà H1, bà H3, ông H phải hoàn lại cho chị L mỗi người 1.600.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh L H P tự nguyện chịu 12.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông L V H được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Bà L Th H1, bà L T H3, bà L T B L mỗi người tự nguyện chịu 12.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà L T H1, bà L T H3, bà L T B L đã nộp tạm ứng án phí 10.000.000 đồng/người theo các biên lai thu số 0002451 ngày 30/9/2025, biên lai thu số 0006242 ngày 08/12/2025 (bà H1); biên lai thu số 0002450 ngày 30/9/2025 (bà H3); biên lai thu số 0002448 ngày 30/9/2025 (bà L) của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bà H1, bà H3, bà L mỗi người còn phải nộp thêm 2.300.000 đồng.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận**

- Dương sự
- VKSND Khu vực I- Gia Lai
- THA dân sự tỉnh Gia Lai

#### **THẨM PHÁN**

- Lưu hồ sơ vụ án

**Trần Thị Minh Hòa**